

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I

Năm học 2021 – 2022. Môn TOÁN 6

A. LÝ THUYẾT

SÔ HỌC

1. Tập hợp, phần tử của tập hợp.
2. Lũy thừa với số mũ tự nhiên.
3. Các phép tính trong tập hợp số tự nhiên: Cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên; Tính chất của phép cộng và phép nhân số tự nhiên; nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số.
4. Thứ tự thực hiện các phép tính.
5. Tính chất chia hết của một tổng và các dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9
6. Số nguyên tố, hợp số.
7. Ước. Ước chung, UCLN của hai hay nhiều số
8. Bội. Bội chung, BCNN của hai hay nhiều số
9. Số nguyên âm; tập hợp các số nguyên âm; thứ tự trong tập hợp số nguyên.
10. Cộng, trừ, nhân, chia số nguyên. Các tính chất của phép cộng và phép nhân số nguyên. Quy tắc dấu ngoặc
11. Bội và ước của một số nguyên.

HÌNH HỌC

1. Hình vuông-Tam giác đều-Lục giác đều
2. Hình chữ nhật- Hình thoi- Hình bình hành- Hình thang cân
3. Chu vi và diện tích của một số hình trong thực tiễn

MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ.

1. Thu thập và phân loại dữ liệu
2. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng
3. Biểu đồ tranh
4. Biểu đồ cột-biểu đồ cột kép.

B. BÀI TẬP

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Giá trị của biểu thức $17 + 25.4 - 3^2$ là:

- A. 140 B. 80 C. 180 D. 108

Câu 2: Tính: $12 : 300 : \left[400 - 5^3 + 35.5 \right]$

- A. 14 B. 6 C. 8 D. 4

Câu 3: Nếu $5x - 12 = 28$ thì $x =$

- A. 13 B. 9 C. 45 D. 8

Câu 4: Chữ số thích hợp ở dấu * để số $\overline{1*2}$ chia hết cho 9 là:

- A. 2 B. 6 C. 4 D. 9

Câu 5: Trong các số: 1114; 2895; 3410; 45. Số chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9 là:

- A. 3410 B. 1114 C. 2895 D. 45

Câu 6: Tìm số tự nhiên x , biết: $x \in U(20)$ và $x > 10$

- A. $x = 5$ B. $x = 10$ C. $x = 15$ D. $x = 20$

Câu 7: Tìm số tự nhiên x , biết: $x \in BC(3,12)$ và $x < 24$

- A. $x \in \{0;12\}$ B. $x = 24$ C. $x \in \{0;12;24\}$ D. $x = 3$

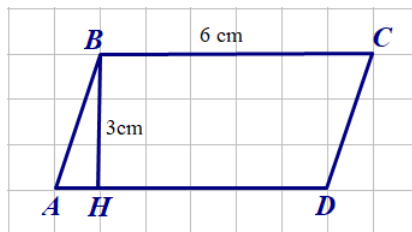
Câu 8: ƯCLN(10;50) là:

- A. 25 B. 10 C. 0 D. 5

Câu 9: Cho $4^m = 4^{18} : 4^2$. Vậy giá trị của m là:

- A. $m = 9$ B. $m = 16$ C. $m = 36$ D. $m = 4$

Câu 10: Diện tích của hình bình hành $ABCD$ bằng bao nhiêu ?



- A. 18 cm^2 B. 18 cm C. 9 cm D. 9 cm^2

Câu 11: Số đối của -3 là:

- A. 3 B. -3 C. 2 D. 4.

Câu 12: Chọn câu đúng?

- A. $\mathbb{Z} = 0;1;2;\dots$ B. $\mathbb{Z} = 1;2;3;\dots$

C. $\mathbb{Z} = \dots; -2; -1; 0; 1; 2; \dots$

D. $\mathbb{Z} = \dots; -2; -1; 1; 2; \dots$

Câu 13: Tập hợp tất cả các số nguyên x thỏa mãn $-2 < x < 2$ là:

A. $\{-1; 1; 2\}$

B. $\{-2; 0; 2\}$

C. $\{-1; 0; 1\}$

D. $\{-2; -1; 0; 1; 2\}$

Câu 14: Trong tập hợp các số nguyên $\mathbb{Z}$, cách tính đúng là:

A. $10 - 13 = 3$

B. $10 - 13 = -3$

C. $10 - 13 = -23$

D. $10 - 13$ không trừ được

Câu 15: Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần : 2; -4; 6; 4; 8; 0; -2; -8; -6

A. 0; 2; -2; 4; -4; 6; -6; 8; -8

B. -2; -4; -6; -8; 0; 2; 4; 6; 8

C. 8; 6; 4; 2; 0; -2; -4; -6; -8

D. -8; -6; -4; -2; 0; 2; 4; 6; 8

Câu 16: Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: 2; -4; 5; 3; -11; -8; 0.

A. -11; 0; -8; -4; 2; 3; 5

B. -4; -11; 0; 3; 5; -8; 2

C. 0; 2; 3; -4; 5; -8; -11

D. -11; -8; -4; 0; 2; 3; 5

Câu 17: Kết quả phép tính $(-15) + 14 + (-85)$ bằng:

A. -84

B. 86

C. 84

D. -86

Câu 18: Tìm x biết: $x - 7 = (-14) + (-8)$.

A. 17

B. -15

C. 25

D. 75

Câu 19: Câu khẳng định nào sau đây là đúng nhất ?

A. Số nguyên lớn nhất là 999999 ;

B. Số nguyên nhỏ nhất là 0 ;

C. Số nguyên nhỏ nhất là -1 ;

D. Không có số nguyên nhỏ nhất, cũng không có số nguyên lớn nhất ;

Câu 20: Kết quả của $(-24) + 35$ bằng:

A. -11

B. 11

C. 59;

D. -59;

Câu 21: Chọn câu trả lời đúng nhất:

Một cửa hàng có báo cáo doanh thu 3 ngày như sau:

Ngày thứ nhất : Lãi 1000 000 đồng

Ngày thứ hai : Lỗ 2 200 000 đồng

Ngày thứ ba : Lãi 1 400 000 đồng

Sau 3 ngày thì cửa hàng này lãi hay lỗ và số tiền lãi hay lỗ là bao nhiêu?

A. Lãi 200 000 đồng

B. Lỗ 200 000 đồng

C. Lãi 300 000 đồng

D. Lỗ 100 000 đồng

Câu 22: Chọn đáp án đúng

Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$) tháng giêng của bốn địa điểm :

Địa điểm	TP.Hồ Chí Minh	Washington	London	Ottawa
Nhiệt độ	24°C	-4°C	11°C	-7°C

Địa điểm có nhiệt độ thấp nhất là:

A. TP.Hồ Chí Minh

B. Washington

C. Ottawa

D. London

Câu 23: Chọn câu trả lời đúng

A. Tổng hai số nguyên dương là một số nguyên dương

B. Tổng hai số nguyên âm là 1 số nguyên dương

C. Tổng một số nguyên âm và một số nguyên dương là một số nguyên âm

D. Tổng một số nguyên âm và một số nguyên dương là một số nguyên dương

Câu 24: Chọn câu trả lời đúng

A. Tích của hai số nguyên âm là một số nguyên âm.

B. Tích của hai số nguyên dương là một số nguyên dương.

C. Hiệu hai số nguyên âm là nguyên âm.

D. Hiệu hai số nguyên âm là nguyên dương.

Câu 25: Kết quả đúng của phép tính $(-5) + 8$ là

A. -3

B. +3

C. 13

D. -13

Câu 26: Kết quả đúng của phép tính $(-3) + (-6)$ là

A. -3

B. +3

C. -9

D. +9

Câu 27: Kết quả đúng của phép tính $-7 - 3$ là

A. -4

B. +10

C. 4

D. -10

Câu 28: Quy tắc bỏ ngoặc được thực hiện đúng là

A. $107 - (17 - 80) = 107 - 17 - 80$

B. $107 - (13 + 80) = 107 + 13 - 80$

C. $2021 - (221 - 90) = 2021 - 221 + 90$

D. $2021 - (79 + 100) = 2021 + 79 - 100$

Câu 29: Trong các công thức sau, công thức nào biểu thị chu vi hình vuông có cạnh bằng a ?

A. $P = a + b + c + d$.

B. $P = a + b + c$.

C. $P = (a + b) \cdot 2$.

D. $P = a \cdot 4$.

Câu 30: Vào một buổi trưa nhiệt độ ở Băng Cốc là -5°C . Nhiệt độ đêm hôm đó ở Băng Cốc là bao nhiêu, biết nhiệt độ đêm đó giảm 7°C so với buổi trưa?

A. 12°C .

B. -12°C .

C. 2°C .

D. -2°C .

Câu 31: Số đối của số -85 là

A. -85.

B. 85.

C. $\frac{1}{85}$.

D. $-\frac{1}{85}$.

Câu 32: Cho tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x < 3\}$. Các phần tử của A là :

A. $A = \{0; 1; 2\}$.

B. $A = \{0; 1; 2; 3\}$.

C. $A = \{1; 2; 3\}$.

D. $A = \{1; 2\}$.

Câu 33: Trong các tổng sau, tổng nào chia hết cho 9.

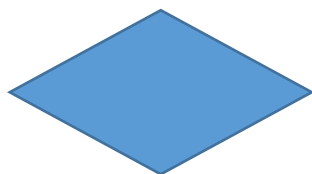
A. $144 + 16$.

B. $144 + 17$.

C. $144 + 18$.

D. $144 + 19$.

Câu 34: Quan sát các hình dưới đây rồi cho biết hình nào là hình thoi.



Hình a

A. Hình a.



Hình b

B. Hình b.



Hình c

C. Hình c.



Hình d

D. Hình d.

Câu 35: Kết quả $(-3) \cdot (-6) = ?$

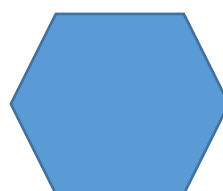
A. -18.

B. 18.

C. 9.

D. -9.

Câu 36: Quan sát các hình dưới đây rồi cho biết hình nào là hình lục giác đều.



5

Hình a

A. Hình a.

Hình b

B. Hình b.

Hình c

C. Hình C.

Hình d

D. Hình

d

Câu 37: Cho A là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 20. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?

A. $20 \in A$.

B. $18 \in A$.

C. $13 \notin A$.

D. $14 \notin A$.

Câu 38: Viết tích $5 \cdot 5 \cdot 5$ dưới dạng một lũy thừa :

A. 15^3 .

B. 5^{15}

C. 5^3 .

D. 15^{15}

Câu 39: Viết tập hợp các số tự nhiên là ước của 15?

A. $\{1; 3; 5\}$.

B. $\{3; 5\}$.

C. $\{1; 5; 15\}$.

D. $\{1; 3; 5; 15\}$.

Câu 40: Hãy đọc dữ liệu ở biểu đồ tranh dưới đây và cho biết thứ sáu bán được bao nhiêu bóng đèn?

Số bóng đèn bán được trong tuần của cửa hàng A	
Ngày	Số bóng đèn
Thứ Hai	
Thứ Ba	
Thứ Tư	
Thứ Năm	
Thứ Sáu	
Thứ Bảy	
Chủ nhật	

( = 10 bóng đèn;  = 5 bóng đèn)

A. 15 bóng đèn

B. 30 bóng đèn

C. 40 bóng đèn

D. 35 bóng đèn

Câu 41: Quan sát biểu đồ tranh dưới đây

Số lượng bóng đèn sản xuất được trong tuần của phân xưởng A	
Ngày	Số bóng đèn
Thứ Hai	● ● ●
Thứ Ba	● ● ● ● ● ●
Thứ Tư	● ● ● ● ● ● ● ●
Thứ Năm	● ● ● ● ● ● ●
Thứ Sáu	● ● ● ● ●
Thứ Bảy	● ● ● ● ●

(● = 100 bóng đèn; ● = 50 bóng đèn)

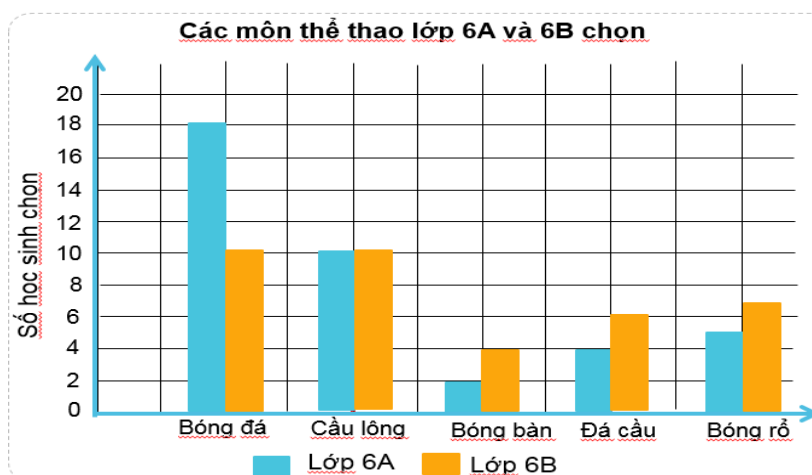
Cho biết, ngày thứ tư xưởng sản xuất nhiều hơn ngày thứ năm bao nhiêu bóng đèn?

- A. 300 bóng đèn
- B. 250 bóng đèn
- C. 350 bóng đèn
- D. 200 bóng đèn

Câu 42: Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào là số liệu, dữ liệu nào **không** phải là số liệu?

- A. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).
- B. Quốc tịch của các học sinh trong một trường quốc tế.
- C. Chiều cao trung bình của một số loại thân cây gỗ (đơn vị tính là mét).
- D. Số học sinh đeo kính trong một lớp học (đơn vị tính là học sinh).

Câu 43: Cho biểu đồ cột kép sau:



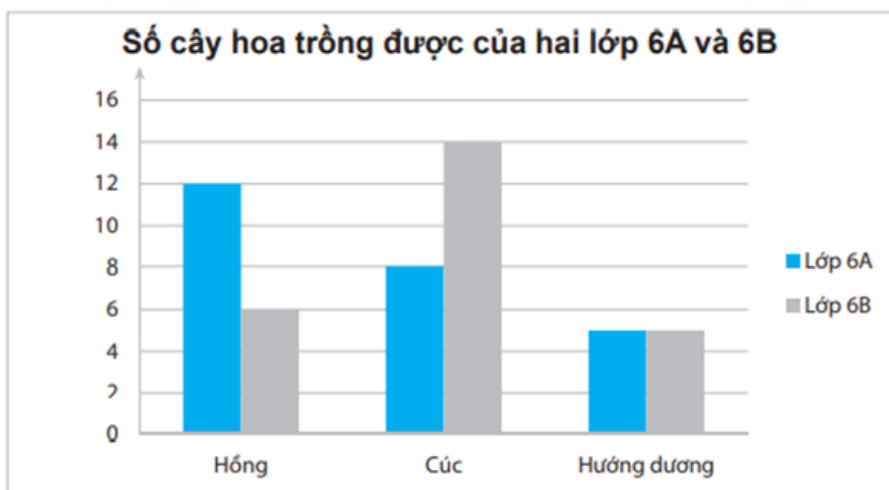
Môn thể thao ít được ưa thích nhất của lớp 6A và lớp 6B

- A. Cầu lông
- B. Bóng đá

C. Bóng rổ

D. Bóng bàn

Câu 44: Đọc biểu đồ kép biểu diễn số cây hoa hai lớp 6A, 6B trồng được như sau, rồi chọn đáp án đúng



- A. Lớp 6A trồng được 12 cây hoa Cúc.
- B. Số hoa Hồng lớp 6B trồng được nhiều số hoa Hồng lớp 6A trồng.
- C. Tổng số hoa Hướng dương của hai lớp 6A và 6B là 8 hoa.
- D. Lớp 6B trồng được 14 cây hoa Cúc.

Câu 45: Dữ liệu số học sinh được điểm 10 môn Toán được cho ở bảng sau đây:

Ngày	Số học sinh được 10 điểm môn Toán
Thứ Hai	3
Thứ Ba	2
Thứ Tư	1
Thứ Năm	5
Thứ Sáu	3

(😊 = 1 học sinh)

Thứ hai có bao nhiêu học sinh được điểm 10 môn Toán?

- A.3
- B.4
- C.1
- D.2

Câu 46: Trong các phát biểu sau dữ liệu nào không phải là số liệu?

- A. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).
- B. Chiều cao trung bình của học sinh lớp 6 (đơn vị tính là mét)

C. Số học sinh yêu thích bộ môn toán.

D. Nơi sinh của mỗi học sinh trong một lớp.

Câu 47: Nga cùng bạn liệt kê tên một số con gia cầm để làm bài tập môn công nghệ, kết quả nào sau đây là đúng?

A. Gà, vịt, ngan, ngỗng.

B. Chó, mèo, gà, vịt.

C. Rắn, gà, chó, trâu, bò.

D. Lợn, gà, vịt, chó.

Câu 48: Hãy tìm dữ liệu không hợp lí trong dãy dữ liệu sau

Thủ đô của một số quốc gia châu Á: Hà nội, Bắc kinh, Tokyo, Paris.

A. Bắc kinh

B. Hà nội.

C. Paris.

D. Tokyo.

Câu 49: Điểm kiểm tra môn Toán của một nhóm học sinh được ghi lại theo bảng sau

Điểm	5	6	8	9
Số học sinh	2	4	3	2

Nhóm này có bao nhiêu học sinh?

A. 28.

B. 11.

C. 10 .

D. Một số khác.

Câu 50: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi $150m$. Nếu chiều dài là $55m$ thì chiều rộng của thửa ruộng là:

A. $50m$

B. $55m$

C. $20m$

D. $35m$

PHẦN II. TỰ LUẬN

SỐ HỌC

Bài 1. Cho các tập hợp sau:

$$A = \{x \in \mathbb{N} | 18 < x < 21\}$$

$$B = \{x \in \mathbb{N}^* | x < 4\}$$

$$C = \{x \in \mathbb{N} | 35 \leq x \leq 38\}$$

a) Viết các tập hợp trên bằng cách liệt kê các phần tử và cho biết mỗi tập hợp đó có bao nhiêu phần tử?

b) Điền kí hiệu $\in$ hoặc $\notin$ vào ô vuông:

$19 \square A$

$0 \square B$

$35 \square C$

$38 \square C$

Bài 2. Thực hiện phép tính (bằng cách hợp lý)

a) $17.(-23)+17.(-48)+17.(-29)$

b) $-564 + [(-724) + 564 + 224]$

c) $72:3+19-5$

d) $132 : \left\{ 41 + \left[28 - (87 - 82)^2 \right] \right\}$

Bài 3. Thực hiện phép tính: (Tính nhanh nếu có thể)

a) $84 : 4 + 3^9 : 3^7 + 5^0$

b) $(5^{19} : 5^{17} + 3) : 7$

c) $295 - (31 - 2^2.5)^2$

d) $6^2 : 9 + 50.2 - 3^3.3$

e) $29 - [16 + 3.(51 - 49)]$

f) $47 - [(45.2^4 - 5^2.12):14]$

g) $50 - [(20 - 2^3):2 + 34]$

h) $-23 + 289 + 123 - 689.$

Bài 4. Thực hiện phép tính: (Tính nhanh nếu có thể)

a) $57 + 725 + 605 - 53$

b) $(-624) - [(376 + 235) - 35]$

c) $58.75 + 58.50 - 58.25$

d) $12.35 + 35.182 - 35.94$

e) $(55 + 45 + 15) - (15 - 55 + 45)$

f) $48.19 + 48.115 + 134.52$

Bài 5: Tính nhanh các biểu thức sau:

a. $(2736 - 75) - 2736$

b. $(-2002) - (57 - 2002)$

c. $(9765 - 115) - 9765$

d. $(-3076) - (75 - 3075)$

Bài 6: Tính nhanh tổng sau:

a. $(-25) + 8 + 12 + 25$

b. $40 + 15 + (-10) + (-15)$

c. $-13 + (-750) + (-17) + 750$

d. $(-7) + (-20) + 35 + (-8)$

Bài 7. Bỏ dấu ngoặc rồi tính:

a. $(35 - 17) + (17 + 20 - 35)$

b. $(55 + 45 + 15) - (15 - 55 + 45)$

Bài 8. Tìm x:

a) $198 - 3(2x + 4) = 120$

b) $2(x + 7) - 6 = 13$

e) $5(x + 16) = 5^2 \cdot 4$

f) $2^2(6x - 3^2) - 3 = 33$

c) $5(x + 5) - 3(x - 2) = 5^2 + 18$

d) $4(x + 2) = 3(x + 1) + 17$

g) $3x - 1 = 2^3 \cdot 4$

h) $4^x = 64$

Bài 9: Tìm x

a) $x + (-35) = 27$

b) $(-42) - x = -10$

c) $x + 44 = 27$

d) $x - 22 = 12 + (-4)$

e) $x - 9 = -24$

f) $-x + 8 = -17$

g) $-19 - x = -20$

Bài 10: Trong các số: 4827; 5670; 6915; 2007.

a) Số nào chia hết cho 2?

b) Số nào chia hết cho cả 3 và 5?

c) Số nào chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9?

d) Số nào chia hết cho cả 2; 3; 5 và 9?

Bài 11: Cho các chữ số 1; 0; 9; 5. Hãy ghép thành những số có ba chữ số khác nhau mà chia hết cho 5.**Bài 12:** Trong các số 2540, 1347, 1638, số nào chia hết cho 2; 3; 5; 9?**Bài 13:** Áp dụng tính chất chia hết, xét xem mỗi tổng (hiệu) sau có chia hết cho 6 hay không.

a. $72 + 12$

b. $48 + 16$

c. $54 - 36$

d. $60 - 14$.

Bài 14: Điền chữ số vào dấu * để số $\overline{43*}$ chia hết cho cả 3 và 5.**Bài 15:** a) Số 4 có là ước của 16 không? Có là ước của 18 không?

b) Số 20 có là bội của 5 không? Có là bội của 6 không?

c) Tìm $U(24)$; $B(7)$ **Bài 16:** Tìm ƯCLN Và BCNN của :

a) 24 và 10

b) 300 và 280

c) 30 và 90

d) 14; 21 và 56

Bài 17: Tìm ƯC thông qua tìm ƯCLN

a) 40 và 24

b) 80 và 144

c) 9, 18 và 72

d) 25, 55 và 75

Bài 18: Tìm BC thông qua tìm BCNN

a) 10 và 24

b) 48, 120

c) 20, 35, 60

d) 18, 24, 32

Bài 19. Một đội y tế có 24 bác sĩ và 108 y tá. Có thể chia đội y tế đó nhiều nhất thành mấy tổ sao cho số bác sĩ và y tá được chia đều cho các tổ?

Bài 20. Lớp 6A có 18 bạn nam và 24 bạn nữ. Trong một buổi sinh hoạt lớp, bạn lớp trưởng dự kiến chia các bạn thành từng nhóm sao cho số bạn nam trong mỗi nhóm đều bằng nhau và số bạn nữ cũng vậy. Hỏi lớp có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu nhóm? Khi đó mỗi nhóm có bao nhiêu bạn nam, bao nhiêu bạn nữ?

Bài 21. Cô Lan phụ trách đội cần chia số trái cây trong đó 80 quả cam; 36 quả quýt và 104 quả mận vào các đĩa bánh kẹo trung thu sao cho số quả mỗi loại trong các đĩa bằng nhau. Hỏi có thể chia thành nhiều nhất bao nhiêu đĩa? Khi đó mỗi đĩa có bao nhiêu trái mỗi loại?

Bài 22 : Một số sách khi xếp thành từng bó 10 cuốn, 12 cuốn, 18 cuốn đều vừa đủ bó. Biết số sách đó trong khoảng từ 600 đến 800 cuốn. Tính số sách đó.

Bài 23. Một tủ sách khi xếp thành từng bó 8 cuốn, 12 cuốn, 15 cuốn đều vừa đủ bó. Cho biết số sách khoảng từ 400 đến 500 cuốn. Tính số quyển sách đó.

Bài 42. Một trường tổ chức cho khoảng từ 700 đến 800 học sinh đi tham quan bằng ô tô. Tính số học sinh đi tham quan, biết nếu xếp 40 người hay 45 người vào một xe thì đều không dư.

Bài 43 : Tìm số tự nhiên nhỏ nhất có bốn chữ số. Biết rằng khi chia số đó cho các số 70 ; 210 ; 350 có cùng số dư là 3.

Bài 44. Tính tổng:

$$S_1 = 1 + 2 + 3 + \dots + 999$$

$$S_2 = 21 + 23 + 25 + \dots + 1001$$

$$S_3 = 23 + 24 + \dots + 127 + 128$$

$$S_4 = 15 + 17 + 19 + 21 + \dots + 151 + 153 + 155$$

Bài 45. Tìm các số tự nhiên x, y trong mỗi trường hợp sau đây

a. $x.y = 11$

b. $(2x + 1)(3y - 2) = 12$

c. $1 + 2 + 3 + \dots + x = 55$

Bài 46. Tìm các số nguyên x sao cho các số có dạng sau đều là số nguyên

a. $\frac{5}{x-1}$

b. $\frac{2x+5}{x+1}$

Bài 47. Tìm số tự nhiên $x > 0$ biết

- a. 35 chia hết cho x b. $x - 1$ là ước của 6 c. 10 chia hết cho $(2x + 1)$
d. x chia hết cho 25 và $x < 100$. e. $x + 13$ chia hết cho $x + 1$ f. $2x + 108$ chia hết cho $2x + 3$

HÌNH HỌC

Bài 1 : Tính diện tích các hình sau:

- a) Hình bình hành có độ dài một cạnh 15cm và chiều cao tương ứng là 6cm.
b) Hình thoi có độ dài 2 đường chéo là 4m và 25dm
c) Hình thang cân có độ dài hai cạnh đáy là 7m và 4m; chiều cao là 3,5m

Bài 2: Tính chu vi và diện tích các hình sau:

- a) Hình chữ nhật có chiều dài 12cm và chiều rộng 8 cm .
b) Hình vuông có cạnh 6 cm .
c) Hình thang cân có độ dài hai đáy là 4cm và 10 cm, chiều cao 4 cm cạnh bên 5 cm .
d) Hình thoi có cạnh 5cm , độ dài hai đường chéo là 6cm và 8 cm
e) Hình bình hành có độ dài hai cạnh là 10cm và 14 cm, chiều cao 8 .

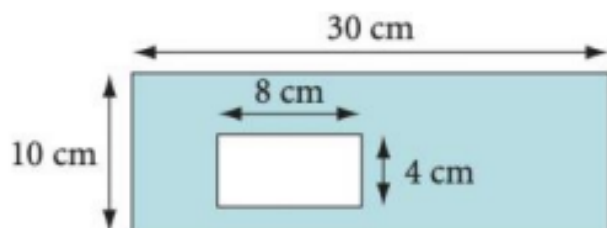
Bài 3 : Hình chữ nhật ABCD có $AB = 3\text{cm}$, chu vi hình chữ nhật là 14cm.

- a) Tính cạnh BC.
b) Tính diện tích hình chữ nhật ABCD

Bài 4: Chu vi một mảnh đất hình chữ nhật là 280m . Người ta chia mảnh đất thành hai mảnh nhỏ: một hình vuông, một hình chữ nhật. Tổng chu vi hai mảnh đất nhỏ là 390 . Tính diện tích mảnh đất ban đầu ?

Bài 5: Sân nhà bác Hùng hình chữ nhật có chiều dài 12m và chiều rộng 9 m Bác Hùng mua loại gạch lát nền hình vuông có cạnh 0,6 m. Hỏi bác Hùng cần mua bao nhiêu viên gạch để đủ lát sân?

Bài 6 : Tính diện tích hình tô đậm?



PHẦN III. ĐỀ THAM KHẢO

Phần 1. Trắc nghiệm (20 câu/ 5đ) (Ôn theo phần trắc nghiệm phía trên)

Phần 2. Tự luận (5 điểm)

Bài 1. (1 điểm) Thực hiện các phép tính

a. $4.52 + 81 : 3^2 - (13 - 4)^2$

b. $815 + [95 + (-815) + (-45)]$

Bài 2. (1 điểm) Tìm x

a. $5 + x = 3$

b. $15x + 11 = 2727 : 27$

Bài 3. (1,5 điểm) Ba xe ô tô cùng chở nguyên vật liệu cho một công trường. Xe thứ nhất cứ 20 phút chở được một chuyến, xe thứ 2 cứ 30 phút chở được một chuyến và xe thứ 3 cứ 40 phút chở được một chuyến. Lần đầu ba xe khởi hành cùng một lúc. Tính khoảng thời gian ngắn nhất để ba xe cùng khởi hành lần thứ hai, khi đó mỗi xe chở được mấy chuyến?

Bài 4. (1 điểm) Tính chu vi và diện tích hình thang cân có độ dài hai đáy là 4cm và 10 cm, chiều cao 4 cm cạnh bên 5 cm .

Bài 5. . Tính tổng: $S_1 = 21 + 23 + 25 + \dots + 1001$